



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký 4403000108 ngày 1 tháng 1 năm 2008
Kinh doanh/Doanh nghiệp số 3800311306 ngày 19 tháng 7 năm 2022

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần thay đổi gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3800311306 ngày 19 tháng 7 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Văn Khánh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Non	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
Ông Đoàn Đức Toàn	Thành viên

(từ ngày 20 tháng 5 năm 2022)

Ban Kiểm soát

Ông Hồ Thành Công	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Lai Lệ Hương	Thành viên
Bà Đoàn Sử Ngọc Trân	Thành viên

(từ ngày 20 tháng 5 năm 2022)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Non	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Lượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật Ông Nguyễn Văn Non Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khu 5, Phường Thác Mơ
Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Bình Phước, ngày 22 tháng 8 năm 2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 8 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-01-00326-22-4




Trần Thị Lệ Hằng

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3782-2022-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Trương Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		907.022.303.834	750.996.018.192
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	144.834.088.633	91.051.265.774
Tiền	111		1.474.088.633	5.291.265.774
Các khoản tương đương tiền	112		143.360.000.000	85.760.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	9(a)	396.500.000.000	433.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		396.500.000.000	433.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		363.160.250.117	223.942.581.143
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	318.849.169.253	184.644.072.090
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.929.712.904	1.180.625.043
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	49.502.625.049	46.188.644.181
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(7.121.257.089)	(8.070.760.171)
Hàng tồn kho	140	13	2.059.587.036	1.903.229.064
Hàng tồn kho	141		2.059.587.036	1.903.229.064
Tài sản ngắn hạn khác	150		468.378.048	1.098.942.211
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		125.241.100	156.107.944
Thuế phải thu Nhà nước	153	20(b)	343.136.948	942.834.267

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.207.600.247.474	1.238.786.419.678
Các khoản phải thu dài hạn	210		854.107.000	-
Phải thu dài hạn khác	216		854.107.000	-
Tài sản cố định	220		901.148.265.302	945.941.213.564
Tài sản cố định hữu hình	221	14	889.860.753.657	934.378.552.023
Nguyên giá	222		3.179.756.225.209	3.179.308.834.300
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.289.895.471.552)	(2.244.930.282.277)
Tài sản cố định vô hình	227	15	11.287.511.645	11.562.661.541
Nguyên giá	228		16.553.233.650	16.553.233.650
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.265.722.005)	(4.990.572.109)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.644.874.078	1.943.292.479
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	2.644.874.078	1.943.292.479
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9(b)	288.245.882.833	275.443.454.456
Đầu tư vào công ty liên kết	252		137.385.882.833	124.583.454.456
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		150.860.000.000	150.860.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		14.707.118.261	15.458.459.179
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	12.286.772.097	11.927.372.181
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	878.610.920	943.859.274
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		1.541.735.244	2.587.227.724
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.114.622.551.308	1.989.782.437.870

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		689.579.645.614	587.917.677.594
Nợ ngắn hạn	310		283.489.002.794	155.127.434.937
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	12.816.369.754	30.506.889.562
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20(a)	69.140.897.503	36.878.620.871
Phải trả người lao động	314		10.167.424.362	25.157.913.472
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	6.611.124.346	4.189.172.892
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	113.383.542.257	12.313.845.760
Vay ngắn hạn	320	23(a)	54.853.956.580	43.262.245.888
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	16.515.687.992	2.818.746.492
Nợ dài hạn	330		406.090.642.820	432.790.242.657
Vay dài hạn	338	23(b)	387.404.674.353	413.709.874.190
Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.518.473.500	2.518.473.500
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	25	16.167.494.967	16.561.894.967
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.425.042.905.694	1.401.864.760.276
Vốn chủ sở hữu	410	26	1.425.042.905.694	1.401.864.760.276
Vốn cổ phần	411	27	700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		56.454.368.091	56.454.368.091
Quỹ đầu tư phát triển	418	29	294.484.564.126	235.522.191.215
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		335.434.553.994	365.373.138.490
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		77.179.829.119	12.356.061.406
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		258.254.724.875	353.017.077.084
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		38.669.419.483	44.515.062.480
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.114.622.551.308	1.989.782.437.870

Ngày 22 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Đâu Đình Trung
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022


Mẫu B 02a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	467.978.430.495	309.547.245.383
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	32	145.937.483.605	110.459.779.045
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		322.040.946.890	199.087.466.338
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	22.953.853.560	12.782.559.770
Chi phí tài chính	22		17.773.467.665	15.232.088.045
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.773.467.665	15.232.088.045
Phần lãi trong công ty liên kết	24	9(b)(i)	12.802.428.377	7.978.123.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	25.981.984.692	19.070.660.563
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - 26)	30		314.041.776.470	185.545.400.500
Thu nhập khác	31		235.555.556	-
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31)	40		235.555.556	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		314.277.332.026	185.545.400.500
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	53.341.029.254	29.957.180.800
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	65.248.354	65.248.354
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		260.871.054.418	155.522.971.346
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		258.254.724.875	153.654.725.226
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.616.329.543	1.868.246.120
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	3.689	2.195


Ngày 22 tháng 8 năm 2022

Người lập:


Đâu Đình Trung
Kế toán tổng hợp


Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	314.277.332.026	185.545.400.500
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	45.240.339.171	42.297.010.542
Các khoản dự phòng	03	-	(35.962.500)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(35.756.281.937)	(20.760.682.770)
Chi phí lãi vay	06	17.773.467.665	15.232.088.045
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	341.534.856.925	222.277.853.817
Biến động các khoản phải thu	09	(135.499.895.450)	(75.042.134.740)
Biến động hàng tồn kho	10	889.134.508	(665.952.721)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(28.975.405.497)	(3.476.102.806)
Biến động chi phí trả trước	12	(328.533.072)	454.538.916
		177.620.157.414	143.548.202.466
Tiền lãi vay đã trả	14	(17.895.022.338)	(14.694.557.258)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(21.831.589.210)	(12.926.178.722)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.623.975.000)	(7.153.230.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	131.269.570.866	108.774.235.686
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.148.972.508)	(133.165.605.813)
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23	(131.500.000.000)	(241.297.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24	168.000.000.000	569.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(52.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	18.381.973.036	12.551.666.222
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	53.733.000.528	155.089.060.409

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã Thuyết Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
 số minh 30/6/2022 30/6/2021
 VND VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	-	124.607.180.346
Tiền trả nợ gốc vay	34	(14.713.489.145)	(1.500.000.000)
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông của công ty mẹ	36	(109.361.596.500)	(417.666.467.800)
Tiền chi trả cổ tức cho các cổ đông không kiểm soát	36	(7.144.662.890)	(5.598.551.025)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(131.219.748.535)	(300.157.838.479)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	53.782.822.859	(36.294.542.384)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	91.051.265.774	64.340.714.699
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	8 144.834.088.633	28.046.172.315

Ngày 22 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Đặng Đình Trung
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bùi Thị Kim Na
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Non
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Ngày 18 tháng 6 năm 2009, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 8 tháng 6 năm 2009 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, với mã chứng khoán là TMP.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và lợi ích của Nhóm Công ty trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động sản xuất kinh doanh

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng (thủy điện và điện mặt trời);
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây lắp;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí quan trắc công trình, thí nghiệm các sản phẩm dầu mỏ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện; xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Trồng khai thác cây công nghiệp, cây lâm nghiệp;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Dịch vụ nhà nghỉ, dịch vụ du lịch; và
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của các nhà máy điện.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết (1/1/2022: 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết), được liệt kê dưới đây:

Tên đơn vị	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu vốn tại ngày		Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày	
		30/6/2022	1/1/2022	30/6/2022	1/1/2022
Các công ty con					
▪ Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Kinh doanh thủy điện	99,92%	99,92%	100,00%	100,00%
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrosa	Kinh doanh thủy điện	61,17%	61,17%	61,17%	61,17%
Các công ty liên kết					
▪ Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Kinh doanh phong điện	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	35,00%	35,00%	35,00%	35,00%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty có 160 nhân viên (1/1/2022: 159 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nhóm Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán áp dụng cho các đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”).

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Nhóm Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Nhóm Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong vào công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của vào công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của vào công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong vào công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Nhóm Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	7 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 – 20 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 11 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 29 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và công trình sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang tại Nhóm Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ kế toán đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Nhóm Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Công ty được trích lập từ thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ này được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Công ty.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty và các công ty con được trích lập theo Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(r) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê mà Nhóm Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong kỳ, Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ trước.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Do hoạt động kinh doanh thủy điện phụ thuộc vào lượng nước, sản lượng bán điện thông thường sẽ thấp từ tháng 1 đến tháng 6 và cao hơn từ tháng 7 đến tháng 12 hàng năm. Mặt khác, doanh thu bán điện phụ thuộc vào việc phát triển và hoàn thành các dự án điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các điều kiện thị trường tại thời điểm các dự án điện đi vào hoạt động thương mại.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán được thực hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 so với các ước tính được thực hiện khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất hay báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Nhóm Công ty

Không có thay đổi trong cơ cấu của Nhóm Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

7. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2021 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	1.977.323	57.194
Tiền gửi ngân hàng	1.472.111.310	5.291.208.580
Các khoản tương đương tiền	143.360.000.000	85.760.000.000
	144.834.088.633	91.051.265.774

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 3,2% đến 3,6% (1/1/2022: từ 3,2% đến 3,5%).

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm	396.500.000.000	396.500.000.000	433.000.000.000	433.000.000.000
	396.500.000.000		433.000.000.000	

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm từ 4,3% đến 5,1% (1/1/2022: từ 3,9% đến 5,1%).

18/1/2022 13:11

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2022				1/1/2022					
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc/ Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc/ Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết (t)										
▪ Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	10.000.000	20,00%	135.985.882.833	-	(*)	10.000.000	20,00%	123.183.454.456	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ Thủy điện Thác Mơ	140.000	35,00%	1.400.000.000	-	(*)	140.000	35,00%	1.400.000.000	-	(*)
			137.385.882.833	-				124.583.454.456	-	
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác										
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	13.500.000	3%	149.580.000.000	-	242.471.250.000	13.500.000	3%	149.580.000.000	-	256.500.000.000
▪ Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	150.000	10%	1.280.000.000	-	(*)	150.000	10%	1.280.000.000	-	(*)
			150.860.000.000	-				150.860.000.000	-	
			288.245.882.833	-				275.443.454.456	-	

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi tiết đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết:

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Lãi lũy kế VND	Giá gốc VND	Lãi lũy kế VND
▪ Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	100.000.000.000	35.985.882.833	100.000.000.000	23.183.454.456
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ Thủy điện Thác Mơ	1.400.000.000	-	1.400.000.000	-
	<u>101.400.000.000</u>	<u>35.985.882.833</u>	<u>101.400.000.000</u>	<u>23.183.454.456</u>

Biến động các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết, được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	124.583.454.456	47.831.705.000
Phần lãi trong công ty liên kết	12.802.428.377	7.978.123.000
Tăng vốn góp trong kỳ	-	52.000.000.000
Số dư cuối kỳ	<u>137.385.882.833</u>	<u>107.809.828.000</u>

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỳ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	285.060.801.650	148.800.677.421
Các khách hàng khác	33.788.367.603	35.843.394.669
	318.849.169.253	184.644.072.090

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	285.060.801.650	148.800.677.421
Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	10.098.878.797	10.098.878.797
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	8.376.706.531	5.605.375.691
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	5.466.844.576	6.971.475.775
Tập đoàn Điện lực Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	3.755.593.048	3.755.593.048

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Bên liên quan		
Phải thu Ban quản lý Dự án Thủy điện 6 từ việc trả hộ cho dự án Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng	27.267.692.037	27.267.692.037
Tập đoàn điện lực Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	984.227.187	2.339.254.146
Bên thứ ba		
Phải thu lãi tiền gửi	9.565.828.944	4.993.948.420
Các khoản phải thu khác	11.684.876.881	11.587.749.578
	49.502.625.049	46.188.644.181

Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

30/6/2022			
Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn			
▪ Phải thu khác từ khách vãng lai trước cổ phần hóa	Trên 3 năm	7.121.257.089	(7.121.257.089)

1/1/2022			
Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn			
▪ Phải thu khác từ khách vãng lai trước cổ phần hóa	Trên 3 năm	8.070.760.171	(8.070.760.171)

13. Hàng tồn kho

	30/6/2022 Giá gốc VND	1/1/2022 Giá gốc VND
Nguyên vật liệu	848.077.851	1.217.048.630
Công cụ và dụng cụ	4.538.665	12.569.500
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.206.970.520	673.610.934
	-----	-----
	2.059.587.036	1.903.229.064
	-----	-----

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Nhóm Công ty không có hàng tồn kho mất phẩm chất, hư hỏng cần trích lập dự phòng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.731.815.325.123	1.237.094.799.675	181.089.854.931	29.308.854.571	3.179.308.834.300
Tăng trong kỳ	-	-	-	447.390.909	447.390.909
Số dư cuối kỳ	1.731.815.325.123	1.237.094.799.675	181.089.854.931	29.756.245.480	3.179.756.225.209
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	1.389.042.171.247	733.420.904.470	115.941.671.613	6.525.534.947	2.244.930.282.277
Khấu hao trong kỳ	11.683.408.758	28.236.373.253	3.564.741.462	1.480.665.802	44.965.189.275
Số dư cuối kỳ	1.400.725.580.005	761.657.277.723	119.506.413.075	8.006.200.749	2.289.895.471.552
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	342.773.153.876	503.673.895.205	65.148.183.318	22.783.319.624	934.378.552.023
Số dư cuối kỳ	331.089.745.118	475.437.521.952	61.583.441.856	21.750.044.731	889.860.753.657

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 1.946.499 triệu VND (1/1/2022: 1.946.068 triệu VND) tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 528.812 triệu VND (1/1/2022: 556.632 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Nhóm Công ty (Thuyết minh 23(b)).

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ/cuối kỳ	16.325.753.650	227.480.000	16.553.233.650
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	4.790.976.146	199.595.963	4.990.572.109
Khấu hao trong kỳ	254.236.872	20.913.024	275.149.896
Số dư cuối kỳ	5.045.213.018	220.508.987	5.265.722.005
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	11.534.777.504	27.884.037	11.562.661.541
Số dư cuối kỳ	11.280.540.632	6.971.013	11.287.511.645

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản cố nguyên giá 69 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (1/1/2022: 69 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	1.943.292.479	2.869.359.794
Tăng trong kỳ	7.172.256.837	95.642.210.031
Xây dựng cơ bản dở dang	701.581.599	94.178.592.786
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	6.470.675.238	1.463.617.245
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(93.914.529.652)
Quyết toán chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	(6.470.675.238)	-
Số dư cuối kỳ	2.644.874.078	4.597.040.173

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Xây dựng Văn phòng làm việc tại Thị xã Đồng Xoài	1.297.148.276	1.297.148.276
Cụm Dự án Nhà máy Điện Mặt Trời Thác Mơ 375MWp	646.144.203	646.144.203
Khác	701.581.599	-
	2.644.874.078	1.943.292.479

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí sửa chữa và bảo trì VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	5.460.792.800	3.344.772.631	3.121.806.750	11.927.372.181
Tăng trong kỳ	2.584.320.836	-	183.810.000	2.768.130.836
Phân bổ trong kỳ	(1.746.805.480)	(69.142.206)	(592.783.234)	(2.408.730.920)
Số dư cuối kỳ	6.298.308.156	3.275.630.425	2.712.833.516	12.286.772.097

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	20%	878.610.920	943.859.274

19. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Cổ phần Ứng dụng và Phát triển Công nghệ Thông tin	2.669.500.000	2.669.500.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Xây dựng KCT	121.121.750	2.366.879.694
Các nhà cung cấp khác	10.025.748.004	25.470.509.868
	12.816.369.754	30.506.889.562

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số cán trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Chuyển sang thuế phải thu VND	30/6/2022 VND
Thuế						
Thuế giá trị gia tăng	4.900.607.523	38.717.382.535	(2.155.207.699)	(34.739.710.872)	-	6.723.071.487
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.673.863.801	53.341.029.254	-	(21.831.589.210)	-	43.183.303.845
Thuế thu nhập cá nhân	213.001.594	3.383.724.541	-	(3.605.513.933)	8.787.798	-
Thuế tài nguyên	4.974.800.117	38.627.628.626	-	(36.175.250.458)	-	7.427.178.285
Các loại thuế khác	-	2.454.182.363	-	(1.839.734.229)	-	614.448.134
Các khoản phải nộp khác						
Phí dịch vụ môi trường rừng	8.303.887.836	14.898.088.116	-	(15.415.540.200)	-	7.786.435.752
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	6.812.460.000	4.189.540.000	-	(7.595.540.000)	-	3.406.460.000
	36.878.620.871	155.611.575.435	(2.155.207.699)	(121.202.878.902)	8.787.798	69.140.897.503

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số cán trừ trong kỳ VND	Chuyển từ thuế phải nộp VND	30/6/2022 VND
Thuế thu nhập cá nhân	336.071.650	(1.722.500)	8.787.798	343.136.948
Các loại thuế khác	606.762.617	(606.762.617)	-	-
	942.834.267	(608.485.117)	8.787.798	343.136.948

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí tiền điện	1.826.688.372	-
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.777.967.930	-
Chi phí lãi vay	444.948.643	566.503.316
Chi phí thuê đất	-	884.222.880
Chi phí khác	2.561.519.401	2.738.446.696
	<hr/> 6.611.124.346	<hr/> 4.189.172.892

22. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Cổ tức phải trả	111.852.104.037	10.591.970.927
Kinh phí công đoàn	173.322.000	175.328.000
Các khoản phải trả khác	1.358.116.220	1.546.546.833
	<hr/> 113.383.542.257	<hr/> 12.313.845.760

23. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ 1/1/2022 VND	Biến động trong kỳ		Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ 30/6/2022 VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay dài hạn đến hạn trả	43.262.245.888	26.305.199.837	(14.713.489.145)	54.853.956.580
				<hr/>

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Vay dài hạn	442.258.630.933	456.972.120.078
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(54.853.956.580)	(43.262.245.888)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	387.404.674.353	413.709.874.190
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Khoản vay từ:					
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước (i)	VND	8,60-8,80%	2024	10.000.000.000	12.000.000.000
		Lãi suất tiết kiệm 12 tháng +			
▪ Ngân hàng Shinhan Việt Nam (ii)	VND	2-2,3%	2030	432.258.630.933	444.972.120.078
				<hr/>	<hr/>
				442.258.630.933	456.972.120.078
				<hr/>	<hr/>

(i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 21.115 triệu VND (1/1/2022: 22.226 triệu VND) (Thuyết minh 14).

(ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 495.000 triệu VND, được sử dụng để tài trợ cho dự án xây dựng nhà máy điện mặt trời có công suất 50MWp.

Khoản vay này sẽ được hoàn trả trong 34 kỳ, tiền gốc sẽ được hoàn hàng quý bắt đầu từ tháng 6 năm 2022. Tiền lãi được hoàn hàng quý bắt đầu từ tháng 12 năm 2020. Trong kỳ, Công ty đã ký phụ lục hợp đồng số SHBVN/CMC/122020/HDTD/TMP.PL01 ngày 27 tháng 6 năm 2022 để điều chỉnh lịch trả nợ. Theo đó, khoản vay trên sẽ được hoàn trả trong 35 kỳ.

Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 507.697 triệu VND (1/1/2022: 534.406 triệu VND) (Thuyết minh 14).

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.818.746.492	4.826.843.292
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 26)	19.926.516.500	7.112.344.000
Sử dụng trong kỳ	(6.229.575.000)	(7.153.230.800)
Số dư cuối kỳ	16.515.687.992	4.785.956.492

25. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ này được trích lập từ thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Công ty.

Biến động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	16.561.894.967	3.720.000.000
Sử dụng trong kỳ	(394.400.000)	-
Số dư cuối kỳ	16.167.494.967	3.720.000.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	700.000.000.000	56.454.368.091	178.253.506.741	583.719.012.035	44.359.075.150	1.562.785.962.017
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	153.654.725.226	1.868.246.120	155.522.971.346
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	57.268.684.474	(57.268.684.474)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.786.498.172)	(325.845.828)	(7.112.344.000)
Cổ tức (Thuyết minh 28)	-	-	-	(506.100.000.000)	(6.213.114.000)	(512.313.114.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	700.000.000.000	56.454.368.091	235.522.191.215	167.218.554.615	39.688.361.442	1.198.883.475.363
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	199.562.351.858	4.826.701.038	204.389.052.896
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(200.000.000)	-	(200.000.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(1.207.767.983)	-	(1.207.767.983)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	700.000.000.000	56.454.368.091	235.522.191.215	365.373.138.490	44.515.062.480	1.401.864.760.276
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	258.254.724.875	2.616.329.543	260.871.054.418
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	58.962.372.911	(58.962.372.911)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(19.230.936.460)	(695.580.040)	(19.926.516.500)
Cổ tức (Thuyết minh 28)	-	-	-	(210.000.000.000)	(7.766.392.500)	(217.766.392.500)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	700.000.000.000	56.454.368.091	294.484.564.126	335.434.553.994	38.669.419.483	1.425.042.905.694

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày báo cáo:

	30/6/2022 và 1/1/2022		
	Số lượng cổ phiếu	Vốn cổ phần VND	% sở hữu
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần	36.341.500	363.415.000.000	51,92%
Công ty TNHH Năng Lượng REE	29.843.740	298.437.400.000	42,63%
Các cổ đông khác	3.814.760	38.147.600.000	5,45%
	70.000.000	700.000.000.000	100%

Công ty mẹ, Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần, được thành lập tại Việt Nam.

28. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20 tháng 5 năm 2022, các cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 210.000 triệu VND, tương đương 3.000 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2021 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021: phân phối khoản cổ tức 506.100 triệu VND, tương đương 7.230 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020).

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Biến động quỹ đầu tư phát triển trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	235.522.191.215	178.253.506.741
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 26)	58.962.372.911	57.268.684.474
Số dư cuối kỳ	294.484.564.126	235.522.191.215

30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng một năm	3.302.967.479	1.223.634.839
Trong vòng hai đến năm năm	16.013.605.615	4.894.539.356
Trên năm năm	21.789.494.910	22.401.312.330
	41.106.068.004	28.519.486.525

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	4.873.000.000	5.676.292.540
Đã được duyệt và chưa ký kết hợp đồng	10.820.000.000	-
	15.693.000.000	5.676.292.540

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán điện	463.689.642.235	305.671.298.978
▪ Cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	4.288.788.260	3.875.946.405
	467.978.430.495	309.547.245.383

32. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Tổng giá vốn		
▪ Sản xuất điện	142.581.479.652	107.599.530.083
<i>Chi phí khấu hao và phân bổ</i>	44.246.524.869	41.410.555.858
<i>Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và</i>		
<i>phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước</i>	57.666.227.292	36.777.584.031
<i>Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	6.470.675.238	1.463.617.245
<i>Chi phí nhân công</i>	17.367.116.864	14.057.737.726
<i>Chi phí nguyên vật liệu</i>	3.301.912.470	4.111.866.449
<i>Chi phí khác</i>	13.529.022.919	9.778.168.774
▪ Dịch vụ đã cung cấp và giá vốn khác	3.356.003.953	2.860.248.962
	145.937.483.605	110.459.779.045

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	12.153.853.560	12.557.559.770
Thu nhập cổ tức	10.800.000.000	225.000.000
	22.953.853.560	12.782.559.770

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí nhân viên	9.220.992.888	7.547.201.416
Chi phí khấu hao và phân bổ	993.814.302	886.454.684
Thuế, phí và lệ phí	478.213.869	333.056.250
Chi phí khác	15.288.963.633	10.303.948.213
	25.981.984.692	19.070.660.563

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	4.529.656.998	4.287.017.729
Chi phí nhân công và nhân viên	26.136.541.548	21.604.939.142
Chi phí khấu hao và phân bổ	45.240.339.171	42.297.010.542
Chi phí sửa chữa lớn	6.470.675.238	1.463.617.245
Thuế, phí và lệ phí	58.144.441.161	36.777.589.027
Chi phí khác	31.397.814.181	23.100.265.923
	173.317.567.376	149.742.839.608

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ hiện hành	53.341.029.254	29.957.180.800
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	65.248.354	65.248.354
	53.406.277.608	30.022.429.154

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	314.277.332.026	185.545.400.500
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	62.855.466.405	37.109.080.100
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các công ty con	(1.458.362.605)	(843.555.246)
Ảnh hưởng của phần lãi trong công ty liên kết	(2.560.485.675)	(1.595.624.600)
Thu nhập không chịu thuế	(2.160.000.000)	(45.000.000)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	7.357.390	14.037.021
Chi phí không được khấu trừ thuế	189.239.028	85.832.922
Ưu đãi thuế	(3.466.936.935)	(4.702.341.043)
	53.406.277.608	30.022.429.154

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế của hoạt động sản xuất và kinh doanh thủy điện và hoạt động kinh doanh khác.

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ kể từ năm đầu tiên Dự án đầu tư điện mặt trời của Công ty có doanh thu (2020). Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên Dự án đầu tư điện mặt trời có doanh thu (2020 đến 2023) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2024 đến 2032).

Công ty con

- Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa được áp dụng thuế suất 10% từ năm 2007 đến năm 2021, được miễn thuế trong 4 năm (2007 – 2010) và giảm 50% trong 9 năm (2011 – 2019).
- Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên được áp dụng thuế suất 10% từ năm 2015 đến năm 2029, được miễn thuế trong 4 năm (2015 – 2018) và giảm 50% trong 9 năm (2019 – 2027).

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế trong kỳ	258.254.724.875	153.654.725.226
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
	258.254.724.875	153.654.725.226

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Nhóm Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2021. Nếu Nhóm Công ty phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 Cổ phiếu	30/6/2021 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	70.000.000	70.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
	70.000.000	70.000.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
Tập đoàn Điện Lực Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	2.809.698.794	2.371.467.613
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần		
Chia cổ tức	109.032.000.000	218.049.000.000
Cung cấp dịch vụ	248.274.932	-
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình		
Góp vốn	-	52.000.000.000
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Năng lượng REE		
Chia cổ tức	89.523.000.000	179.062.440.000
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Bán điện	463.369.548.554	305.294.685.108
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
Bán điện	170.038.464	202.175.106
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	56.478.644
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam		
Bán điện	150.055.217	174.438.764
Mua hàng hóa, dịch vụ	973.654.287	1.041.721.302
Trường Cao đẳng Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh		
Mua dịch vụ	56.414.816	-
Công ty Thí nghiệm Điện miền Nam		
Mua dịch vụ	70.847.507	-
Công ty Thí nghiệm Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh		
Mua dịch vụ	22.306.565	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh		
Cổ tức được chia	10.800.000.000	-

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
<i>Nhân sự chủ chốt của Công ty</i>		
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	312.000.000	58.500.000
Thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	552.000.000	414.000.000
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Huỳnh Văn Khánh – Chủ tịch		
Thù lao	324.000.000	243.000.000
Nguyễn Văn Non – Thành viên		
Thù lao	55.200.000	36.000.000
Nguyễn Quang Quyền – Thành viên		
Thù lao	55.200.000	36.000.000
Lê Tuấn Hải – Thành viên		
Thù lao	55.200.000	36.000.000
Đoàn Đức Toàn – Thành viên		
Thù lao	12.510.000	-
Thành viên Ban Kiểm soát		
Thù lao	288.000.000	252.600.000

39. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang đã phát sinh nhưng được thanh toán	-	19.770.748.322

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

40. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Đâu Đình Trung
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN
THÁC MƠ

Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

